TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN PHÚ
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập –Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **175/**2020/HNGĐ-ST
Ngày: 02/6/2020
V/v tranh chấp "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ - TỈNH AN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Nguyễn Phong Phi**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Võ Hoàng Nghiệp**

Bà **Nguyễn Thị Kim Uyên**

- ***Thư ký phiên toà***: Bà **Trần Đỗ Ngọc Mai Thy** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:*** Bà **Lâm Thị Thanh Thúy**- Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú. Tòa án nhân dân huyện An Phú mở xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 428/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2019 về việc "*Xin ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:154/2020/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông **Phạm Văn S**, sinh năm: 1972.

- *Bị đơn*: Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm: 1970.

Cùng cư trú: tổ 94, ấp An Thạnh, thị trấn An Phú, huyện An Phú, An Giang.

(Ông S có mặt; bà T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ông Phạm Văn S nộp đơn xin ly hôn với bà Nguyễn Thị T với nội dung như sau:

Hôn nhân giữa ông, bà được hình thành là do thông qua mai mối rồi được cha mẹ hai bên định đoạt đứng ra tổ chức đám cưới vào năm 1990, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Long Bình, huyện An Phú. Cuộc sống chung thời gian đầu tương đối hạnh phúc và phát sinh mâu thuẫn cách từ

năm 2018 đến nay. Nguyên nhân là do hai người bất đồng quan điểm, sống không hợp nhau, bà T tự ý bỏ nhà đi từ năm 2018 đến nay. Hai người ly thân nhau từ đó. Nay bà xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông xin ly hôn với bà T.

Trong quá trình chung sống hai người có hai con chung Phạm Thị Nghiêm, sinh ngày 29/9/1991; Phạm Thanh Nhàn, sinh ngày 02/01/2007; hiện cháu Nghiêm đã trưởng thành và có khả năng lao động nên ông không yêu cầu giải quyết, cháu Nhàn hiện đang sống với bà T. Khi ly hôn ông đồng ý giao cháu Nhàn cho bà T nuôi.

Về quan hệ tài sản chung: Tự thỏa thuận; Nợ chung: Không có, cũng không ai nợ lại ông bà.

Về tài liệu chứng cứ: Các tài liệu chứng cứ các đương sự giao nộp đã được thẩm tra và công khai trong quá trình hòa giải, các đương sự không có ý kiến gì về các tài liệu chứng cứ và tại phiên tòa không ai giao nộp bổ sung thêm tài liệu chứng cứ khác.

Trong quá trình thụ lý, hòa giải Tòa án đã tiến hành cấp tống đạt cho bà T theo quy định nhưng bà T vẫn không có mặt theo văn bản triệu tập của Tòa án. Tòa án tiến hành xác minh nơi cư trú và tình trạng hôn nhân của ông S và bà T để giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa, ông S bảo lưu ý kiến của mình. Riêng bà T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bà theo thủ tục chung.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong ghi lời khai, thủ tục xét xử vắng mặt, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng…là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần HĐXX không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa, thời hạn xét xử cũng như thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về nội dung: Căn cứ hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa cho thấy ông S và bà T có mâu thuẫn vơ chồng và không thể hàn gắn được do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Hôn nhân giữa ông S và bà T là do cha mẹ định đoạt, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn An Phú, huyện An Phú, tỉnh An Giang là hôn nhân hợp pháp; các đương sự đều cư trú trên địa bàn huyện An Phú, nên yêu cầu xin ly hôn của ông S được tòa án thụ lý, giải quyết là đúng quy định tại Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, 35, 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa hai người hình thành là do mai mối, được cha mẹ hai bên đứng ra tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng thời gian sau phát sinh mâu thuẫn và ly thân nhau. Nay ông S xin ly hôn do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được.

Chứng cứ mà Tòa án thu thập được: Tại biên bản xác minh tình trạng hôn nhân của bà Nguyễn Thị T ngày 28/4/2020 được ông Phạm Văn Nam – Phó ấp An Thạnh, thị trấn An Phú, huyện An Phú, tỉnh An Giang cho biết hiện nay bà T vẫn còn đăng ký hộ khẩu tại ấp An Thạnh, thị trấn An Phú, huyện An Phú, tỉnh An Giang. Về tình trạng hôn nhân thì có nghe thông tin là vợ chồng S – T có mâu thuẫn nhau và không còn sống chung nhưng nguyên nhân gì thì ông không rõ.

Xét nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn ngay từ ban đầu là bất đồng nhau trong cách sống, lẽ ra hai bên tự tìm cách hóa giải để tạo điều kiện cho cuộc sống hạnh phúc. Hiện tại ông S xác định là không còn tình cảm với ab2 T nửa và mâu thuẫn đã thật sự trầm trọng không có tiếng nói chung không thể tiếp tục chung sống với bà T. Ngược lại cả hai cùng bỏ mặc nhau, không quan tâm, địa phương biết, gia đình biết cả hai không còn yêu thương nhau.

Trong thời gian ly thân cả hai đều không quan tâm nhau để hàn gắn, căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 19 luật hôn nhân và gia đình 2014, thì ông bà đã vi phạm nghĩa vụ của vợ chồng được quy định: "Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình", do đó Tòa án nhận thấy cả hai vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó Tòa án giải quyết cho ly hôn là có căn cứ.

[3] Về quan hệ con chung: Ông S khai có hai con chung Phạm Thị Nghiêm, sinh ngày 29/9/1991; Phạm Thanh Nhàn, sinh ngày 02/01/2007; hiện cháu Nghiêm đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không đề cập giải quyết, cháu Nhàn hiện đang sống với bà T. Khi ly hôn ông đồng ý giao cháu Nhàn cho bà T nuôi. Hội đồng xét xử nghĩ nên công nhận tự nguyện này giao cháu Nhàn cho bà Hằng tiếp tục nuôi.

Theo quy định của pháp luật, bên không nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho bên nuôi. Tại phiên tòa hôm nay bà T vắng mặt nên không xem xét . Nếu sau này bà T có yêu cầu thì Tòa án sẽ xem xét thụ lý giải quyết thành vụ kiện khác.

Tại phiên tòa, bà T vắng mặt nên Hội đồng xét xử cũng giải thích cho ông S biết: Bà T cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông S trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[4] Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Ông S khai không có, không yêu cầu giải quyết, tuy nhiên do bà T vắng mặt, nên Hội đồng xét xử không

xem xét. Nếu sau này bà T có chứng cứ khác về tài sản chung, nợ chung và có yêu cầu thì Tòa án sẽ xem xét thụ lý giải quyết thành vụ kiện khác.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của ông S được chấp nhận nên ông S phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm. Bà T không phải chịu án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn S.

Về hôn nhân: Ông Phạm Văn S được ly hôn với bà Nguyễn Thị T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 85, ngày 02/11/2010 của Ủy ban nhân dân thị trấn An Phú, huyện An Phú, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Giao cháu Phạm Thanh Nhàn, sinh ngày 02/01/2007 cho bà T nuôi.

Bà T cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông S trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Bên không trực tiếp nuôi con, không được lợi dùng quyền thăm con hoặc có hành vi vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ trông nôm, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà gây ảnh hưởng đến việc nuôi dạy con của bên trực tiếp nuôi con

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về án phí: Ông S phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được chuyển từ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0011667 ngày 04/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú (ông S đã nộp đủ).

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 02/6/2020) Các đương sự được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1)
- VKSND huyện An Phú (2);
- Chi cục THADS huyện An Phú (1);
- UBND xã nơi kết hôn (1);
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng (1).
- Lưu hồ sơ (1);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Phong Phi